

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày: 08 - 5 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang:** Bà Trần Phương Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2024/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1981; địa chỉ: Số A M, khu phố L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Hình Thị Mỹ L, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Chí L1, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (ông L1 vắng mặt, bà L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2023 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Do quen biết nên vào năm 2021 bà có cho bà Hình Thị Mỹ L vay nhiều lần tổng số tiền 360.000.000 đồng để bà L đáo hạn Ngân hàng và thu mua hải sản. Khi vay, bà L hứa khi nào bà có nhu cầu lấy lại tiền thì báo để bà trả đủ. Sau đó không biết bà L đã sử dụng tiền của bà vào mục đích gì mà không có khả năng trả nợ cho

bà. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L cứ hứa hẹn và kéo dài 2 năm nay vẫn không thanh toán được. Đến ngày 06/7/2022, bà L ký giấy xác nhận nợ và hẹn trả vào ngày 06/01/2023, hai bên thoả thuận lãi 2,5%/tháng nhưng thực tế bà L không trả được tháng nào.

Nay, bà yêu cầu Toà án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết buộc bà Hình Thị Mỹ L và chồng là ông Nguyễn Chí L1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 360.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Hình Thị Mỹ L trình bày:

Trong năm 2021, bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị C nhiều lần với tổng số tiền là 360.000.000 đồng. Từng lần vay cụ thể vào ngày tháng nào và số tiền cụ thể của từng lần vay thì bà không nhớ, bà chỉ nhớ số tiền tổng là 360.000.000 đồng. Trong tổng số tiền này bao gồm: tiền bà C hùn vốn thu mua hải sản với bà là 40.000.000 đồng, tiền lãi thu được thì chia theo tỉ lệ hùn, bà đã chia lãi cho bà C được một lần nhưng chia được bao nhiêu tiền thì bà không nhớ, không nhớ là chuyển khoản hay tiền mặt cho bà C; bà vay để đáo hạn ngân hàng nhưng không nhớ số tiền là bao nhiêu chỉ nhớ là lấy tiền 02 lần; vay để cho người khác vay lại để hưởng lời chênh lệch nhưng cũng không nhớ bao nhiêu tiền.

Chồng bà tên là Nguyễn Chí L1, sinh năm 1973, cùng địa chỉ với bà, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà vẫn bình thường, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Chồng bà làm nghề tài công nên không thường xuyên ở nhà. Việc làm ăn giữa bà và bà C là do tự bà làm, chồng bà không biết gì và không liên quan gì đến việc này. Bà ở nhà lo toan mọi việc sinh hoạt trong gia đình, lo cho các con ăn học đại học. Khi ghe vô bờ thì chồng bà gửi tiền cho bà để phụ giúp vào kinh tế gia đình. Vì chuyện làm ăn không thuận lợi nên bà không có tiền trả cho bà C và có ký Giấy vay tiền vào ngày 06/7/2022 bà thừa nhận có vay của bà C số tiền là 360.000.000 đồng. Sau khi làm giấy vay tiền bà có chuyển khoản cho bà C nhiều lần với tổng số tiền 31.500.000 đồng. Số tiền này là bà chuyển khi bà C đòi bà trả tiền. Tuy nhiên, bà chỉ biết chuyển tiền cho bà C chứ không nghe bà C nói là tiền này trừ vào gốc hay lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bà xác định số tiền này do một mình bà đứng ra giao dịch làm ăn với bà C, chồng bà không biết và không liên quan gì tới số tiền này nên bà sẽ tự chịu trách nhiệm trả tiền cho bà C, không yêu cầu chồng bà phải liên đới trách nhiệm.

Tại phiên tòa, bà xác định việc vay nợ giữa bà và bà C để làm ăn chồng bà có biết, khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Việc bà C khởi

kiện bà có thông báo cho ông L1 biết nhưng do ông L1 đi ghe biển nên không trực tiếp về giải quyết vụ án được.

Bà đồng ý cùng chồng là ông Nguyễn Chí L1 liên đới trả cho bà C số tiền vốn gốc là 360.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, về nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L xác định con nợ bà C số tiền vay vốn gốc là 360.000.000 đồng, bà L xác định khoản nợ này là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C buộc ông L1, bà L phải liên đới thanh toán số tiền vốn gốc là 360.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C cho thời hạn thanh toán nợ đến 08/7/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng cầm cố tài sản, giải quyết buộc ông Nguyễn Chí L1, bà Hình Thị Mỹ L trả lại số tiền vay nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn là ông L1, bà L có địa chỉ nơi cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông L1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ tới lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

Ông Trương Đình H là chồng của bà Nguyễn Thị C xác định tài sản bà C khởi kiện trong vụ án là tài sản riêng của bà C, không phải là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Tòa án không đưa ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của BLTTDS.

[2]Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, bà C và bà L đều xác định từ năm 2021 đến khoảng tháng 7 năm 2022, bà L có vay của bà C nhiều lần với tổng số tiền vốn gốc là 360.000.000 đồng. Ngày 06/7/2022, bà L có ký xác nhận nợ thừa nhận còn nợ bà C số tiền là 360.000.000 đồng và cam kết thanh toán nợ vào ngày 06/01/2023. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2,5%/ tháng, đến nay bà L đã thanh toán cho bà C được số tiền lãi tổng cộng là 31.500.000 đồng.

Bà L xác định mục đích vay tiền là để phát triển kinh tế gia đình. Ông L1 làm nghề tài công nên không thường xuyên ở nhà, bà ở nhà lo toan mọi việc sinh hoạt trong gia đình, lo cho các con ăn học đại học, khi ghe vô bờ thì ông L1 gửi tiền cho bà để phụ giúp vào kinh tế gia đình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

Tại phiên tòa, bà L đồng ý cùng chồng là ông Nguyễn Chí L1 chịu trách nhiệm thanh toán cho bà C số tiền vốn gốc là 360.000.000 đồng nên bà C khởi kiện yêu cầu bà L, ông L1 phải liên đới thanh toán số tiền vốn gốc còn nợ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ.

Bà C tự nguyện cho ông L1, bà L thời hạn thanh toán nợ đến ngày 06/7/2024 (dương lịch) nên HĐXX ghi nhận.

Bà C không yêu cầu tính lãi, bà L không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã thanh toán cho bà C nên HĐXX không xem xét.

[3]Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận **toàn bộ** yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Chí L1, bà Hình Thị Mỹ L.

Buộc ông L1, bà L phải liên đới thanh toán cho bà C số tiền vay vốn gốc là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu chục triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà C cho ông L1, bà L thời hạn thanh toán nợ đến ngày 06/7/2024 (dương lịch).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

Yêu cầu khởi kiện của bà C được Tòa án chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0004102 ngày 18/12/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông L1, bà L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là $360.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.000.000 \text{ đồng}$ (Mười tám triệu đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Tú